

Số: 944 /NĐND-KHĐTVT

Lạng Sơn, ngày 18 tháng 8 năm 2026

V/v Mời báo giá lập DT và KHL CNCC
Đơn hàng: Cung cấp CCDC và vật tư hàng hoá
nhỏ lẻ các loại phục vụ sửa chữa thường xuyên
năm 2027

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV kính mời Quý đơn vị tham gia báo giá lập dự toán mua sắm vật tư, hàng hoá với các yêu cầu như sau:

I. Yêu cầu đối với vật tư, hàng hoá:

1. Danh mục; đặc tính, thông số kỹ thuật; số lượng vật tư, hàng hoá: chi tiết theo Danh mục vật tư, hàng hoá đề nghị báo giá đính kèm.

2. Yêu cầu về tính hợp lệ; đặc tính, thông số kỹ thuật của vật tư, hàng hoá:

- Vật tư, hàng hoá báo giá phải có đầy đủ thông tin của vật tư, hàng hoá, bao gồm: tên vật tư, hàng hoá; ký mã hiệu; quy cách, đặc tính, thông số kỹ thuật; đơn vị tính; số lượng; nhà sản xuất và xuất xứ của vật tư, hàng hoá; thời gian bảo hành; địa điểm và tiến độ giao hàng;

- Nhà cung cấp có thể báo giá một phần hoặc toàn bộ khối lượng theo yêu cầu của văn bản mời báo giá;

II. Yêu cầu đối với báo giá:

1. Yêu cầu về tính hợp lệ của báo giá:

Báo giá của Quý đơn vị được đánh giá là hợp lệ khi có đủ các thông tin, tài liệu và đáp ứng các yêu cầu sau:

- Bản chào giá do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp (kèm theo giấy uỷ quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương khác).

- Cung cấp kèm theo báo giá 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép kinh doanh đối với các vật tư kinh doanh có điều kiện (nếu có);

- Báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 60 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá theo quy định của văn bản mời báo giá.

2. Yêu cầu về các điều khoản thương mại:

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước (thể hiện rõ thuế suất thuế GTGT cho vật tư, hàng hoá báo giá);

- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV



tại Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn;

III. Thời gian và địa chỉ nhận báo giá:

- Thời gian nhận báo giá: trước 10 giờ 30 phút ngày 31 tháng 8 năm 2026.

- Địa chỉ nhận báo giá: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn; Điện thoại: 02053.844.263; Fax: 02053.844.132; E-mail: naduong@vinacominpower.vn và E-mail: naduongtpc@gmail.com).

(Đối với các hồ sơ báo giá được gửi thông qua fax và e-mail thì đề nghị Quý đơn vị cung cấp bản gốc hồ sơ báo giá cho chúng tôi qua dịch vụ chuyển phát hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên).

* Trường hợp trong báo giá của các nhà cung cấp thiếu các thông tin (hoặc thông tin cung cấp không rõ ràng) theo yêu cầu tại mục I và mục II của văn bản này, để có cơ sở xem xét báo giá của các nhà cung cấp, Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV có thể yêu cầu các nhà cung cấp làm rõ, bổ sung các thông tin cần thiết.

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV rất mong nhận được sự hợp tác và hỗ trợ từ Quý đơn vị.

Trân trọng. 

Nơi nhận: 

- Website TKV: vinacomin.vn (để đăng tải);
- Website ĐLTKV: dienluockv.vn (để đăng tải);
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Các PGĐ, KTT (e-copy, để ph/h);
- Tổ tư vấn (e-copy, để t/h);
- Lưu: TCHC, KHĐT-VT, NQ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Việt Anh

297
CỘNG HÒA
NHIỆT ĐIỆN
ĐƯỢC
HÀNH T
HIỆN L
C
/ON

DANH MỤC VẬT TƯ, HÀNG HOÁ ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ
(Kèm theo Văn bản số **944** /NĐND-KHĐT VT ngày **18** tháng **8** năm 2026)

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
1	Am pe kim	KYORITSU 2046R	Cái	9		≥ 06 tháng					
2	Axeton		Lít	70		Không yêu cầu					
3	Bàn chải đánh răng		Cái	60		Không yêu cầu					
4	Bàn chải loại nhỏ		Cái	20		Không yêu cầu					
5	Bàn chải nhựa có cán		Cái	20		Không yêu cầu					
6	Bàn chải nhựa không cán		Cái	30		Không yêu cầu					
7	Bao tải		Cái	800		Không yêu cầu					
8	Bếp cắt hàn hơi	số 3 (Model / Code / Part No: 106HC -3; Đóng gói 5 cái/vi; nhãn hiệu Koike	Cái	30		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
9	Bếp cắt Plasma	SG51inox (1 bộ gồm bếp cắt+ điện cực)	Bộ	30		Không yêu cầu					
10	Bộ Clê chông	Quy cách 14 chi tiết 8-32 mm; model: Stanley 87-038; hãng sản xuất STANLEY	Bộ	19		Không yêu cầu					
11	Bộ Clê khâu + tay vặn	Bộ tuýp 3/4"; 23 chi tiết 17-50 mm; mã hàng: LO-FHT3/4*6PT; hãng sản xuất BARKER U.S.A	Bộ	8		Không yêu cầu					
12	Bộ hoa thị 3-10mm	Quy cách: 9 chi tiết 1,5-10mm; Model: T04301 hãng sản xuất KOURITSU	Bộ	6		Không yêu cầu					
13	Bộ Mũi mài hợp kim Vonfram loại hình chóp Cán 6mm	model: FERVI F008/6 ; Đường kính chuôi 6mm; vật liệu: hợp kim Vonfram; Size 6-8-10-12mm (Bộ 8 chi tiết); nhãn hiệu FERVI	Bộ	10		Không yêu cầu					
14	Bộ khâu tuýp hoa thị tay tuýp+khâu	Quy cách: 24 chi tiết 8-32mm; Model: STMT74183-8; hãng sản xuất STANLEY	Bộ	3		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiền độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
15	Bộ khẩu tuýp lục giác tay tuýp+khẩu	tay vặn 1/2", quy cách: 10-32mm 25 chi tiết; Model: Yato YT-12671	Bộ	4		Không yêu cầu					
16	Bộ lọc ống đồng	Quy cách: 5 chi tiết Model: WP303001 Nhà sản xuất: Workpro	Bộ	3		Không yêu cầu					
17	Bộ lục giác	Quy cách: 9 chi tiết 1,5-10mm; model: T0430 hãng sản xuất KOURITSU	Bộ	7		Không yêu cầu					
18	Bộ Tô vít	STL-STHT0-60210 hãng sản xuất STANLEY	Bộ	6		Không yêu cầu					
19	Bơm mỡ bằng tay	dung tích: 600cc; model: YT-07042 hãng sản xuất YATO	Cái	9		Không yêu cầu					
20	Búa tay	Đầu búa: thép cao cấp. Thân búa: gỗ; Trọng lượng 3kg	Cái	21		Không yêu cầu					
21	Búa tay	Đầu búa: thép cao cấp. Thân búa: gỗ; Trọng lượng 5kg	Cái	10		Không yêu cầu					
22	Búa tay đóng đinh	Stanley STHT51339-8	Cái	17		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
23	Búi sắt	vật liệu: thép không gỉ	Cái	20		Không yêu cầu					
24	Bút xoá	Dung tích: 12ml; nhãn hiệu: Thiên Long	Cái	70		Không yêu cầu					
25	Cân lò xo	loại cân đồng hồ lò xo, Phạm vi đo max 15kg; nhãn hiệu: Nhơn Hòa	Cái	2		Không yêu cầu					
26	Can nhựa	Dung tích 10L; nhãn hiệu: Song Long	Cái	20		Không yêu cầu					
27	Can nhựa	Dung tích 20L; nhãn hiệu: Song Long	Cái	30		Không yêu cầu					
28	Cáp cầu thép	Cáp thép bấm chì 2 đầu, đường kính 10mm, dài 1 m	Sợi	2		≥ 06 tháng					
29	Cáp cầu thép	Cáp thép bấm chì 2 đầu, đường kính 10mm, dài 2 m	Sợi	4		≥ 06 tháng					
30	Cáp cầu thép	Cáp thép bấm chì 2 đầu, đường kính 16mm, dài 1.5 m	Sợi	2		≥ 06 tháng					
31	Cáp cầu thép	Cáp thép bấm chì 2 đầu, đường kính 16mm, dài 2.5 m	Sợi	4		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
32	Cáp cầu thép	Cáp thép bấm chì 2 đầu, đường kính 20mm, dài 3 m	Sợi	4		≥ 06 tháng					
33	Cáp cầu thép	Cáp thép bấm chì 2 đầu, đường kính 20mm, dài 5 m	Sợi	2		≥ 06 tháng					
34	Cáp vải	Vật liệu: Sợi Polyete cường lực, tải trọng 1 tấn, dài 3m, NHÀ SẢN XUẤT Đức	Sợi	4		≥ 06 tháng					
35	Cáp vải	Vật liệu: Sợi Polyete cường lực, tải trọng 2 tấn, dài 3m, NHÀ SẢN XUẤT Đức	Sợi	4		≥ 06 tháng					
36	Cáp vải	Vật liệu: Sợi Polyete cường lực, tải trọng 3 tấn, dài 3m, NHÀ SẢN XUẤT Đức	Sợi	6		≥ 06 tháng					
37	Chổi công nghiệp quét sàn		Cái	40		Không yêu cầu					
38	Chổi đánh rỉ cầm tay	Chất liệu: Sợi đồng mềm	Cái	120		Không yêu cầu					
39	Chổi lăn sơn	dài 150mm	Cái	40		Không yêu cầu					
40	Chổi lăn sơn	dài 10cm	Cái	20		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
41	Chổi nhựa		Cái	110		Không yêu cầu					
42	Chổi quét sơn	Kích thước: 1" (độ rộng 2,5cm); cán nhựa, đầu sắt thiếc mạ, nhãn hiệu Việt Mỹ	Cái	40		Không yêu cầu					
43	Chổi quét sơn	Kích thước: 3" (độ rộng 7,5cm); cán nhựa, đầu sắt thiếc mạ, nhãn hiệu Việt Mỹ	Cái	100		Không yêu cầu					
44	Chổi thông ống	Tổng chiều dài 150mm; Chiều dài phần cước 100mm; Ren tiêu chuẩn M6; Đường kính : 10mm	Cái	20		Không yêu cầu					
45	Chổi tre		Cái	45		Không yêu cầu					
46	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 6mm; Chiều dài: 105 mm Nhà sản xuất: YETI	Cái	10		Không yêu cầu					
47	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 8mm; Chiều dài: 110 mm Nhà sản xuất: YETI	Cái	12		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
48	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 10mm; Chiều dài: 145 mm Nhà sản xuất : Stanley	Cái	14		Không yêu cầu					
49	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 11mm tương đương); Chiều dài: 155 mm ; Nhà sản xuất : Stanley (	Cái	9		Không yêu cầu					
50	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 12mm; Chiều dài: 165 mm; Nhà sản xuất : Stanley	Cái	14		Không yêu cầu					
51	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 13mm; Chiều dài: 175 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	14		Không yêu cầu					
52	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 14mm; Chiều dài: 185 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	14		Không yêu cầu					
53	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 15mm; Chiều dài: 195 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	14		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
54	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 16mm; Chiều dài: 205 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	14		Không yêu cầu					
55	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 17mm; Chiều dài: 215 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	19		Không yêu cầu					
56	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 18mm; Chiều dài: 220 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	14		Không yêu cầu					
57	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 19mm; Chiều dài: 235 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	19		Không yêu cầu					
58	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 21mm; Chiều dài: 255 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	12		Không yêu cầu					
59	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 22mm; Chiều dài: 255 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	12		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
60	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 24mm; Chiều dài: 285 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	19		Không yêu cầu					
61	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 27mm; Chiều dài: 315 mm Nhà sản xuất: Stanley	Cái	12		Không yêu cầu					
62	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 30mm; Chiều dài: 345 mm Nhà sản xuất: Kingtony	Cái	12		Không yêu cầu					
63	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 32mm; Chiều dài: 365 mm Nhà sản xuất: Kingtony	Cái	12		Không yêu cầu					
64	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 34mm; Chiều dài: 410 mm Nhà sản xuất: Kingtony	Cái	6		Không yêu cầu					
65	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 36mm; Chiều dài: 425 mm Nhà sản xuất: Kingtony	Cái	8		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
66	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 38mm; Chiều dài: 455 mm Nhà sản xuất: Kingtony	Cái	4		Không yêu cầu					
67	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 41mm; Chiều dài: 495 mm Nhà sản xuất: Kingtony	Cái	4		Không yêu cầu					
68	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 46mm; Chiều dài: 495 mm Nhà sản xuất : Kingtony	Cái	6		Không yêu cầu					
69	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 50mm; Chiều dài: 563 mm Nhà sản xuất: Kingtony	Cái	1		Không yêu cầu					
70	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 55mm; Chiều dài: 563 mm Nhà sản xuất: Kingtony	Cái	1		Không yêu cầu					
71	Clê 1 đầu tròn	loại 1 đầu tròn 1 đầu mở đường kính vòng miệng 60mm; Chiều dài: 657 mm Nhà sản xuất: YETI	Cái	1		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
72	Cura gỗ cầm tay	model YT- 87725; nhãn hiệu : Yato	Cái	1		Không yêu cầu					
73	Cura sắt cầm tay	Stanley 15- 565; nhãn hiệu: Stanley	Cái	5		Không yêu cầu					
74	Cuốc chim + cán		Cái	9		Không yêu cầu					
75	Cuốc có cán		Cái	40		Không yêu cầu					
76	Cuộn băng rào	TBCB-18862	Cuộn	70		Không yêu cầu					
77	Đá cắt gạch	Đường kính ngoài Ø105mm; Đường kính trong Ø20/16mm; nhà Sản xuất: Bosch	Viên	10		Không yêu cầu					
78	Đá cắt	kích thước: 107x1,2x16mm) của nhà sản xuất Công ty CP đá mài Hải Dương	Viên	80		Không yêu cầu					
79	Đai xiết ống các loại	chất liệu Inox; 16mm- 25mm	Cái	150		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
80	Dao dọc giấy	Model: Tolsen 30001; nhãn hiệu: Tolsen	Cái	75		Không yêu cầu					
81	Dao phay ngón trụ	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 5mm	Cái	5		Không yêu cầu					
82	Dao phay ngón trụ	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 6mm	Cái	5		Không yêu cầu					
83	Dao phay ngón trụ	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 8mm	Cái	5		Không yêu cầu					
84	Dao phay ngón trụ	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 10mm	Cái	5		Không yêu cầu					
85	Dao phay ngón trụ	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 12mm	Cái	5		Không yêu cầu					
86	Dao phay ngón trụ	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 14mm	Cái	2		Không yêu cầu					
87	Dao phay ngón trụ	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 16mm	Cái	2		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
88	Dao phay ngón trụ	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 18mm	Cái	2		Không yêu cầu					
89	Dao phay ngón trụ	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 20mm	Cái	2		Không yêu cầu					
90	Dao phay ngón trụ	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 22mm	Cái	2		Không yêu cầu					
91	Dao phay ngón trụ	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 24mm	Cái	2		Không yêu cầu					
92	Dao phay ngón trụ	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 26mm	Cái	2		Không yêu cầu					
93	Dao phay ngón trụ	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 28mm	Cái	2		Không yêu cầu					
94	Dao phay ngón trụ	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 30mm	Cái	2		Không yêu cầu					
95	Dao phay ngón trụ	Dạng chuôi trụ vật liệu HSS độ cứng >50HRC đường kính 32mm	Cái	2		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
96	Dao quắm		Cái	10		Không yêu cầu					
97	Dao taro ren	Dạng chuỗi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 4mm bước ren 0,7mm	Cái	5		Không yêu cầu					
98	Dao taro ren	Dạng chuỗi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 5mm bước ren 0,8mm	Cái	5		Không yêu cầu					
99	Dao taro ren	Dạng chuỗi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 6mm bước ren 1mm	Cái	5		Không yêu cầu					
100	Dao taro ren	Dạng chuỗi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 8mm bước ren 1,25mm	Cái	5		Không yêu cầu					
101	Dao taro ren	Dạng chuỗi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 10mm bước ren 1,5mm	Cái	5		Không yêu cầu					
102	Dao taro ren	Dạng chuỗi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 12mm bước ren 1,25mm	Cái	5		Không yêu cầu					
103	Dao taro ren	Dạng chuỗi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 12mm bước ren 1,75mm	Cái	5		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
104	Dao taro ren	Dạng chuỗi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 14mm bước ren 1,25mm	Cái	3		Không yêu cầu					
105	Dao taro ren	Dạng chuỗi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 14mm bước ren 1,75mm	Cái	3		Không yêu cầu					
106	Dao taro ren	Dạng chuỗi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 16mm bước ren 2mm	Cái	5		Không yêu cầu					
107	Dao taro ren	Dạng chuỗi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 18mm bước ren 2,5mm	Cái	2		Không yêu cầu					
108	Dao taro ren	Dạng chuỗi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 20mm bước ren 2,5mm	Cái	5		Không yêu cầu					
109	Dao taro ren	Dạng chuỗi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 22mm bước ren 2,5mm	Cái	2		Không yêu cầu					
110	Dao taro ren	Dạng chuỗi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 24mm bước ren 1,5mm	Cái	2		Không yêu cầu					
111	Dao taro ren	Dạng chuỗi trụ vật liệu HSS độ cứng >25HRC đường kính 24mm bước ren 3mm	Cái	2		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiền độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
112	Dao tiện khóa mặt đầu	20x32x170	Cái	10		Không yêu cầu					
113	Dao tiện lỗ	16x16x170	Cái	10		Không yêu cầu					
114	Dao tiện lỗ	25x25x250	Cái	10		Không yêu cầu					
115	Dao tiện phá thẳng thép gió	20x32x170	Cái	10		Không yêu cầu					
116	Dao tiện ren ngoài	20x32x170	Cái	10		Không yêu cầu					
117	Dao tiện ren trong	16x16x140	Cái	10		Không yêu cầu					
118	Dao tiện ren trong	20x20x160	Cái	10		Không yêu cầu					
119	Bộ dao ren	REX: 1/2÷3/4"	Bộ	1		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
120	Bộ dao ren	REX: 1÷2"	Bộ	1		Không yêu cầu					
121	Bộ dao ren	REX: 2 1/2÷4"	Bộ	1		Không yêu cầu					
122	Đất sét bịt lỗ tủ điện (Nitto Neoseal B3)	Mã sản phẩm : NITTO NEOSEAL B3 Hãng sản xuất : NITTO CHEMICAL – NHẬT BẢN	1Kg/gói	20		Không yêu cầu					
123	Đế từ mã:	7010S-10- Mitutoyo	Cái	4		≥ 06 tháng					
124	Đồng hồ bơm lốp	model: YT-2370	Cái	1		Không yêu cầu					
125	Đồng hồ gas Tanaka	áp xuất khí vào lớn nhất: 40Bar; Áp suất khí ra : 2 Bar; Áp suất làm việc tối đa (kg/cm3): 0.98; Lưu lượng: Áp xuất: 5Nm3/h(0.05Mpa); Kiểu kết nối vào: BS 341 No.3; Kiểu ren ra: 3/8 BSP RH; Loại: 2 Gauge;	Bộ	10		Không yêu cầu					
126	Đồng hồ oxy Tanaka	áp xuất khí vào lớn nhất: 300Bar; Áp suất khí ra :25Bar; Áp suất làm việc tối	Bộ	10		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
		đa 10bar; Kiểu kết nối vào: BS 341 No.3; Kiểu ren ra: 3/8 BSP RH; Loại: 2 Gauge;									
127	Đồng hồ so cấp chính xác 0.01 mm mã 2046 dải đo 10mm	Mã hiệu 2046A dải đo 0-10mm, độ chia 0,01mm, độ chính xác $\pm 13\mu\text{m}$; Kiểu đồng hồ: Lưng có tai bắt với đế gá (Lug Back); Kyoritsu	Cái	4		≥ 06 tháng					
128	Đồng hồ vạn năng	1009 kyoristu	Cái	5		≥ 06 tháng					
129	Dũa dẹt	loại có tay cầm dài 200mm bản rộng 21mm; nhãn hiệu: Asaki	Cái	5		Không yêu cầu					
130	Dũa dẹt	loại có tay cầm dài 250mm bản rộng 24mm; nhãn hiệu: Asaki	Cái	5		Không yêu cầu					
131	Dũa tam giác	loại có tay cầm kích thước: 35 mm x 260 mm x 35 mm; góc 60 độ C; nhãn hiệu: Asaki	Cái	5		Không yêu cầu					
132	Dũa tam giác	loại có tay cầm kích thước: 35 mm x 415 mm x 35 mm; góc 60 độ C; nhãn hiệu: Asaki	Cái	5		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
133	Dụng cụ tháo lắp vòng bi (Vam 2 châu)	SKF TMMR 120F	Cái	1		≥ 06 tháng					
134	Dụng cụ tháo lắp vòng bi (Vam 2 châu)	SKF TMMR 200F	Cái	1		≥ 06 tháng					
135	Dụng cụ tháo lắp vòng bi (Vam 2 châu)	SKF TMMR 350F	Cái	1		≥ 06 tháng					
136	Dụng cụ tháo lắp vòng bi (Vam 3 châu)	SKF TMMP 2x170mm	Cái	1		≥ 06 tháng					
137	Dụng cụ tháo lắp vòng bi (Vam 3 châu)	SKF TMMP 3x185mm	Cái	1		≥ 06 tháng					
138	Dụng cụ tháo lắp vòng bi (Vam 3 châu)	SKF TMMP 3x230mm	Cái	1		≥ 06 tháng					
139	Dụng cụ tháo lắp vòng bi (Vam 3 châu)	SKF TMMP 3x300mm	Cái	2		≥ 06 tháng					
140	Vam thủy lực (cảo thủy lực)	SKF TMHC 110E	Cái	1		≥ 06 tháng					
141	Vam xích		Cái	2		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiền độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
142	Ê tô nguội	Model: BVV-10 (độ mở): 250 mm Lực kẹp tối đa: 3000 kgf nhãn hiệu Vertex	Cái	1		≥ 06 tháng					
143	Hót rác nhựa		Cái	4		Không yêu cầu					
144	Kéo cắt cỏ		Cái	12		Không yêu cầu					
145	Kéo cắt gioăng	Model: 118.0010; Nhãn hiệu: KS Tools	Cái	17		Không yêu cầu					
146	Kéo cắt tỉa cây cảnh		Cái	6		Không yêu cầu					
147	Kéo cắt tôn loại to	Stanley 14-166 Nhãn hiệu: Stanley	Cái	4		Không yêu cầu					
148	Kích thủy lực	nhãn hiệu: YATO; Model: YT-17004	Cái	2		≥ 06 tháng					
149	Kích thủy lực	nhãn hiệu: YATO; Model: YT-17006	Cái	2		≥ 06 tháng					
150	Kích thủy lực 20 tấn	nhãn hiệu: YATO; Model: YT-17227	Cái	2		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiền độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
151	Kích thủy lực 50 tấn	nhãn hiệu: YATO; Model: YT-17009	Cái	1		≥ 06 tháng					
152	Kim bấm mạng Dintek Xuyên Thấu.	Model: DINTEK ezi-PLUG 6102-01021)	Cái	1		Không yêu cầu					
153	Kim cá sấu 12"		Cái	6		Không yêu cầu					
154	Kim cá sấu 24"	Chiều dài thật của kim: 576mm; Độ mở của kim: 76mm; Số kim - cỡ danh định của kim: 24" (600mm); Chất liệu: thép hợp kim cứng; Hãng sản xuất : LS	Cái	4		Không yêu cầu					
155	Kim cá sấu 36"	Chiều dài thật của kim: 900mm; Độ mở của kim: 90mm; Số kim - cỡ danh định của kim: 36" (900mm); Chất liệu: thép hợp kim cứng; Hãng sản xuất : HEAVY DUTY	Cái	4		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
156	Kìm cắt	Model: YT-2109; hãng SX: YATO	Cái	2		Không yêu cầu					
157	Kìm chết	Model: YT-2450; hãng SX: YATO	Cái	11		Không yêu cầu					
158	Kìm điện	Model: YT-21153; hãng SX: YATO	Cái	15		Không yêu cầu					
159	Kìm ép cốt bằng tay	Phạm vi bấm đầu cos: (1.25-2.0) (5.5-8.0) (14-16) mm ² ; Mã sản phẩm: AK-9112; Thương hiệu: Asaki	Cái	4		Không yêu cầu					
160	Kìm ép cốt thủy lực 300mm ²	Model HHY-300; nhãn hiệu: TLP	Bộ	1		Không yêu cầu					
161	Kìm hàn 800A	Model: TWAH8001 800A; nhãn hiệu: TOTAL	Cái	30		Không yêu cầu					
162	Kìm kẹp mát 500A	Model: P34B-120719; Thương hiệu: KNTD	Cái	30		Không yêu cầu					
163	Kìm mỏ nhọn	Model: YT-66345; hãng SX: YATO	Cái	16		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
164	Kim phanh ngoài 8"	Model: YT-1991; hãng SX: YATO	Cái	10		Không yêu cầu					
165	Kim phanh trong 8"	Model: YT-1989; hãng SX: YATO	Cái	10		Không yêu cầu					
166	Kim tuốt dây	Model: 7"/ 175mm asaki AK0340 ; Phạm vi tuốt dây điện: 0.5 - 1.2 - 1.6 - 2.0 - 2.6 - 3.2mm ² ; Hãng ASAKI	Cái	3		Không yêu cầu					
167	Lục giác 14mm	Model: YT-57262; hãng SX: YATO	Cái	2		Không yêu cầu					
168	Lục giác 17mm	Model: YT-57264 ; hãng SX: YATO	Cái	2		Không yêu cầu					
169	Lục giác 19mm	Model: YT-5755 ; hãng SX: YATO	Cái	2		Không yêu cầu					
170	Lục giác 21mm	Model: 43025 ; hãng SX: WITTE	Cái	2		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
171	Lục giác 22mm	Model: 112522MR ; hãng SX: Kingtony	Cái	2		Không yêu cầu					
172	Lực kế đo lực căng dây đai		Cái	2		≥ 06 tháng					
173	Lưỡi cắt cỏ máy Honda GX35	kích thước: 300mm x254x2mm Sử dụng cho máy Honda GX35	Cái	20		Không yêu cầu					
174	Lưỡi cưa	550x45x2.25mm	Cái	1		Không yêu cầu					
175	Mã lý (01 tấn)	Model: G-209; Tải trọng: 2 tấn; Loại Omega Chốt Vặn Ren; thương hiệu Kawasaki	Cái	6		Không yêu cầu					
176	Mã lý (02 tấn)	Model: G-209; Tải trọng: 3,25 tấn; Loại Omega Chốt Vặn Ren; thương hiệu Kawasaki	Cái	6		Không yêu cầu					
177	Mã lý (05 tấn)	Model: G-209; Tải trọng: 6.5 tấn; Loại Omega Chốt Vặn Ren; thương hiệu Kawasaki	Cái	6		Không yêu cầu					
178	Mã lý (10 tấn)	Model: G-209; Tải trọng: 9,5 tấn Loại Omega Chốt Vặn Ren; thương hiệu Kawasaki	Cái	4		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
179	Máy bộ đàm cầm tay	KBC PT7000	Bộ	25		≥ 06 tháng					
180	Máy đo độ rung	VM-63C Nhà sản xuất: Rion - Nhật Bản	Cái	10		≥ 06 tháng					
181	Máy hàn điện	Model: Maxi 200; Thông số: 220-240V, 50/60Hz, I=40A, P=6,6Kw; Nhà sản xuất: Weldcom	Bộ	2		≥ 06 tháng					
182	Máy khoan bê tông 220V-Bosh	Model: GBH2-26 DFV, 220V Nhà sản xuất: BOSCH	Cái	4		≥ 06 tháng					
183	Máy khoan sắt cầm tay đến D16mm	Mã máy: DS5000; Hãng SX : Makita	Cái	2		≥ 06 tháng					
184	Máy mài φ 100	Đường kính lưỡi mài 100mm; Mã máy: 9553NB; Hãng SX : Makita	Cái	10		≥ 06 tháng					
185	Máy mài φ 180	Đường kính lưỡi mài 800mm; Mã máy: GA7060; Hãng SX : Makita	Cái	2		≥ 06 tháng					
186	Máy siết bu lông góc sử dụng điện đến M16	Chiều cao mũi tâm max 16mm; Mã máy: DFL204FZ; Hãng SX : Makita	Cái	2		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
187	Máy test mạng dò dây mạng RJ11 - RJ45 âm tường	XQ-350	Cái	2		≥ 06 tháng					
188	Máy vận bu lông bằng điện 1-3/4"; 220V-620W	Tháo siết ốc tiêu chuẩn M16 - M22; 220V-620W; Mã máy: KPB22C; Hãng sản xuất: DCK	Cái	1		≥ 06 tháng					
189	Mê ga ôm 1000V	mã hiệu: 3166 ; Điện áp thử : 1000V; Giải đo: 2000MΩ; Sai số : ±5%; Hãng sản xuất KYORITSU	Cái	3		≥ 06 tháng					
190	Mê ga ôm 500V	mã hiệu: 3165 ; Điện áp thử : 500V; Giải đo : 1000MΩ; Độ chính xác : ±3%; Hãng sản xuất KYORITSU	Cái	3		≥ 06 tháng					
191	Mỏ cắt Plasma	SG51	Bộ	1		Không yêu cầu					
192	Mỏ cắt Oxy ga Tanaka	Model: HC391; Nhãn hiệu: Tanaka	Cái	6		Không yêu cầu					
193	Mỏ lết (độ mở 0-30mm)	KTC WMA-200	Cái	11		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
194	Mỏ lết (độ mở 0-44mm)	KTC MWA-375	Cái	10		Không yêu cầu					
195	Mỏ lết (độ mở 0-55mm)	KTC MWA-450	Cái	10		Không yêu cầu					
196	Mũi đục bê tông	Chuôi lục giác (dùng cho máy khoan Makiata HR3530) gồm 2 chi tiết loại đục nhọn và đục dẹt; size: 22-35mm	Cái	12		Không yêu cầu					
197	Mũi khoan bê tông φ 6	Mũi SDS+plus 1. (6x100x/160mm) nhãn hiệu BOSCH	Cái	12		Không yêu cầu					
198	Mũi khoan bê tông φ 8	Mũi SDS+plus 1. (8x100x/160mm) nhãn hiệu BOSCH	Cái	12		Không yêu cầu					
199	Mũi khoan bê tông φ 10	Mũi SDS+plus 1. (10x100x/160mm) nhãn hiệu BOSCH	Cái	12		Không yêu cầu					
200	Mũi khoan bê tông φ 12	Mũi SDS+plus 1. (12x100x/160mm) nhãn hiệu BOSCH	Cái	12		Không yêu cầu					
201	Mũi khoan bê tông φ 16	Mũi SDS+plus 1. (16x100x/160mm) nhãn hiệu BOSCH	Cái	7		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
202	Mũi khoan bê tông φ 18	Mũi SDS+plus 1. (18x100x/200mm) nhãn hiệu BOSCH	Cái	7		Không yêu cầu					
203	Mũi khoan bê tông φ 22	Mũi SDS Plus 1 (22x400/460mm) nhãn hiệu Bosch	Cái	7		Không yêu cầu					
204	Mũi khoan bê tông φ 25	Mũi SDS+ plus 1 (25x400/460mm) nhãn hiệu Bosch	Cái	7		Không yêu cầu					
205	Mũi khoan sắt D3.5mm	đường kính d3.5; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu:Nachi	Cái	10		Không yêu cầu					
206	Mũi khoan sắt D4mm	đường kính d4; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		Không yêu cầu					
207	Mũi khoan sắt D5mm	đường kính d5; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		Không yêu cầu					
208	Mũi khoan sắt D6mm	đường kính d6; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		Không yêu cầu					
209	Mũi khoan sắt D7mm	đường kính d7; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
210	Mũi khoan sắt D8mm	đường kính d8; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		Không yêu cầu					
211	Mũi khoan sắt D8.5mm	đường kính d8.5; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		Không yêu cầu					
212	Mũi khoan sắt D10mm	đường kính d10; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		Không yêu cầu					
213	Mũi khoan sắt D12mm	đường kính d12; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		Không yêu cầu					
214	Mũi khoan sắt D14mm	đường kính d14; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	10		Không yêu cầu					
215	Mũi khoan sắt D16mm	đường kính d16; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	5		Không yêu cầu					
216	Mũi khoan sắt D17.5mm	đường kính d17.5; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	5		Không yêu cầu					
217	Mũi khoan sắt D18mm	đường kính d18; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	5		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiền độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
218	Mũi khoan sắt D20mm	đường kính d20; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	5		Không yêu cầu					
219	Mũi khoan sắt D21mm	đường kính d21; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	5		Không yêu cầu					
220	Mũi khoan sắt D35mm	đường kính d35; vật liệu HSS-G; nhãn hiệu: Nachi	Cái	5		Không yêu cầu					
221	Nước tẩy Okay màu hồng 960ml thái lan		Lọ	110		Không yêu cầu					
222	Ổ cắm di động	Loại tròn 3 chân HG-013	Cái	15		Không yêu cầu					
223	Ổ Cắm 3 Chấu SINO - 16A Dòng S18	Mã hiệu: S18/16; Dòng 16A-250VAC; Hãng sản xuất Sino	Cái	30		Không yêu cầu					
224	Ổ cắm tay quay kiểu rulo 30m, 16A	30m, 16A; model: YT-8106; nhãn hiệu: Yato	Lô	10		Không yêu cầu					
225	Ống nhựa mềm D20mm		Mét	250		Không yêu cầu					
226	Pa lăng xích	Nhà sản xuất NITTO, Model: 10VP5 ,	Cái	2		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiền độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
		tải trọng nâng: 1tấn, độ cao nâng, hạ 3-5m									
227	Pa lăng xích	Nhà sản xuất NITTO, Model: 20VP5 , tải trọng nâng: 2 tấn, độ cao nâng, hạ 5m	Cái	2		≥ 06 tháng					
228	Pa lăng xích	Nhà sản xuất NITTO, Model: 30VP5 , tải trọng nâng: 3 tấn, độ cao nâng, hạ 5m	Cái	2		≥ 06 tháng					
229	Pa lăng xích	Nhà sản xuất NITTO, Model: 50VP5 , tải trọng nâng: 5 tấn, độ cao nâng, hạ 5m	Cái	2		≥ 06 tháng					
230	Pa lăng xích	Nhà sản xuất NITTO, Model: 90VP10 , tải trọng nâng: 10tấn, độ cao nâng, hạ 10m	Cái	1		≥ 06 tháng					
231	Phích cắm 3 chấu loại tròn	Model : MPN - 013; Quy cách : 16A-2P+N-IP44; Hãng : MPE	Cái	15		Không yêu cầu					
232	Pin 9V		Quả	228		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
233	Quạt cây công nghiệp 220V	ĐK cánh quạt : 750mm Số cánh: 03 cánh Nhãn hiệu Điện cơ hoặc Quốc phòng hoặc vinawind	Cái	10		Không yêu cầu					
234	Súng bắn bu lông dùng pin M10÷24		Cái	5		≥ 06 tháng					
235	Súng bắn đinh rút	Mã hiệu : STHT69800-8; nhãn hiệu: Stanley	Cái	1		Không yêu cầu					
236	Súng bắn nhiệt độ	Fluke 62 Max (500 oC); nhãn hiệu : Fluke	Cái	7		≥ 06 tháng					
237	Súng bắn vít	Mã hiệu: Kpt-Sd110A; nhãn hiệu : Kawasaki	Cái	3		≥ 06 tháng					
238	Súng bắn vít dùng pin	Mã hiệu: DF488DWE; nhãn hiệu : Makita	Cái	3		≥ 06 tháng					
239	Thang chữ A	TA-12(loại 1.2m)	Cái	2		Không yêu cầu					
240	Thang chữ A	TA40 (loại 4m)		3		Không yêu cầu					
241	Thang nhôm chữ A dài 2.5m	NIKA25; Nhãn hiệu : Nikita	Cái	3		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
242	Thang rút max 4.9m	Nikita R49 (NKT-TL490); Nhãn hiệu : Nikita	Cái	5		Không yêu cầu					
243	Thiết bị chuyển mạch TP-Linh,	TL-SG1008D	CHIEC	4		Không yêu cầu					
244	Thùng đựng rác	Dung tích: 120L kích thước: 550 x 470 x 950 mm ±10mm; loại có bánh xe	Cái	14		Không yêu cầu					
245	Thước căn lá (Dưỡng đo khe hở)	Dài đo: 0.03~1.00; Model: CS-65M; Nhãn hiệu: Niigata	Bộ	2		Không yêu cầu					
246	Thước cặp	Dài đo: 0-150mm Model: 530-312 Nhãn hiệu: Mitutoyo	Cái	1		≥ 06 tháng					
247	Thước cặp	0-200mm/0.02 (530-118) Mitutoyo	Cái	1		≥ 06 tháng					
248	Thước cặp	0-300mm/0.02 (530-119) Mitutoyo	Cái	1		≥ 06 tháng					
249	Thước cặp	0-600mm (530-501)	Cái	2		≥ 06 tháng					
250	Thước cuộn	Model: STH36194; nhãn hiệu : Stanley	Cái	23		≥ 06 tháng					
251	Thước dây loại 50m (Thước dây sợi thủy tinh)	Model: STH34263-8; nhãn hiệu : Stanley	Cái	2		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
252	Thước điện tử điện tử dài đo 300mm	Model: 570-312, nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng cầu					
253	Thước lá 1m	Model: SV-1000KD (0-1000mm); nhãn hiệu: Niigata Seiki	Cái	2		Không yêu cầu					
254	Thước Panme cơ khí	(Model 103-140) 75-100mm; cấp chính xác ±3µm; độ chia 0.01mm nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					
255	Thước Panme cơ khí	(Model 103-138) 25-50mm; cấp chính xác ±2µm; độ chia 0.01mm nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					
256	Thước Panme cơ khí	(Model 103-139) 50-75mm; cấp chính xác ±2µm; độ chia 0.01mm nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					
257	Thước Panme cơ khí	(Model 103-141) 100-125mm nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					
258	Thước Panme cơ khí	(Model 103-142) 125-150mm nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
259	Thước Panme dạng khẩu	(Model 137-205) 50-1500mm nhãn hiệu MITUTOYO	Bộ	1		≥ 06 tháng					
260	Thước Panme đo trong	(Model 145-185) 5-30mm nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					
261	Thước Panme đo trong	(Model 145-186) 25-50mm nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					
262	Thước Panme đo trong	(Model 145-187) 50-75mm nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					
263	Thước Panme đo trong	(Model 145-188) 75-100mm nhãn hiệu MITUTOYO	Cái	1		≥ 06 tháng					
264	Thước vuông	Model: 2275-300 (300x170mm); Nhãn hiệu: INSIZE	Cái	2		≥ 06 tháng					
265	Tô vít điện 2 cạnh	Model: YT-25907; nhãn hiệu YATO	Cái	25		Không yêu cầu					
266	Tô vít điện 4 cạnh	Model: YT-25926; nhãn hiệu YATO	Cái	25		Không yêu cầu					
267	Tô vít đóng	2 cạnh	Cái	20		Không yêu cầu					
268	Tô vít đóng	4 cạnh	Cái	20		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
269	Tời lắc bằng tay - 1 tấn	Mã sản phẩm: VR 10; Chiều cao nâng hạ: 1.5 m; Tải trọng: 1000 kg; Thương hiệu: NITTO	Cái	1		≥ 06 tháng					
270	Tời lắc bằng tay - 3 tấn	sản phẩm: VR 30; Chiều cao nâng hạ: 1.5 m; Tải trọng: 3000 kg; Thương hiệu: NITTO	Cái	1		≥ 06 tháng					
271	Vòi cao su áp lực	phi 19	M	400		Không yêu cầu					
272	Vòi nhựa mềm	phi 21	M	500		Không yêu cầu					
273	Vú mỡ thẳng mạ kẽm M10		Cái	40		Không yêu cầu					
274	Vú mỡ thẳng mạ kẽm M12		Cái	40		Không yêu cầu					
275	Vú mỡ thẳng mạ kẽm M6		Cái	40		Không yêu cầu					
276	Vú mỡ thẳng mạ kẽm M8		Cái	40		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
277	Xà beng		Cái	7		Không yêu cầu					
278	Xe cải tiến lốp cao su đặc		Cái	4		Không yêu cầu					
279	Xe đẩy hàng mặt thép	Nikawa WFA-300DX	Cái	2		≥ 06 tháng					
280	Xe Rùa		Cái	16		Không yêu cầu					
281	Xẻng nhọn + cán		Cái	15		Không yêu cầu					
282	Xẻng sắt vuông L1		Cái	45		Không yêu cầu					
283	Xô nhựa (song long)	20L	Cái	10		Không yêu cầu					
284	Xô nhựa (song long)	10L	Cái	25		Không yêu cầu					
285	Xô nhựa (song long)	5 lít	Cái	15		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
286	Xô sắt	10 lít	Cái	90		Không yêu cầu					
287	Xô sắt	15 lít	Cái	20		Không yêu cầu					
288	Xô sắt	5 lít	Cái	20		Không yêu cầu					
289	Xe nâng tay 1.5 tấn	(Model: CTYE15 Hãng sản xuất : NIULI- Trung Quốc)	Cái			≥ 06 tháng					
290	Tời kéo	PA400 MICRO ELECTRIC ROPE HOIST 980W-220V-50Hz, 200÷400kg	Cái	1		≥ 06 tháng					
291	Can nhựa	5L (Song Long)	Cái	12		Không yêu cầu					
292	Kích thủy lực rỗng tâm	TONNERS DCH-50100 hoặc OSAKA LJA50S10B	Cái	1		Không yêu cầu					
293	Máy hàn ống nhựa chịu nhiệt	Total TT328151	Bộ	1		≥ 06 tháng					
294	Guốc treo cột ly tâm		Đôi	4		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
295	Súng bắn đinh hạt nổ	Model: K-6890; Hãng Kapusi	Cái	2		≥ 06 tháng					
296	Đinh Hạt Nổ (loại Đinh Dùi Thẳng 25mm có long đen)	Chiều dài thực: 25mm Đường kính ren M8 Đường kính long đèn: 16mm Chiều dài toàn bộ đinh: 52mm Đường kính đầu hạt nổ: 7.3mm	Cái	200		Không yêu cầu					
297	Đinh Hạt Nổ (loại Đinh Móc Ø20)	Chiều dài thực: 25mm Đường kính ren M8 Đường kính long đèn: 16mm Chiều dài toàn bộ đinh: 52mm Đường kính đầu hạt nổ: 7.3mm	Cái	200		Không yêu cầu					
298	Đinh Hạt Nổ (loại Đinh Ren M8 + Ốc Vặn)	Chiều dài thực: 25mm Đường kính ren M8 Đường kính long đèn: 16mm Chiều dài toàn bộ đinh: 52mm Đường kính đầu hạt nổ: 7.3mm	Cái	200		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
299	Ròng rọc	50kg	Cái	2		≥ 06 tháng					
300	Ròng rọc	100kg	Cái	2		≥ 06 tháng					
301	Ròng rọc	500kg	Cái	1		≥ 06 tháng					
302	Ròng rọc	1000kg	Cái	1		≥ 06 tháng					
303	Túi đựng đồ nghề dụng cụ sửa chữa đế nhựa nắp vuông	YILEQI JK-204 Vải OXFORD 600D	Cái	10		Không yêu cầu					
304	Giàn giáo khung	(Loại 1700x1250mm)	Bộ	10		Không yêu cầu					
305	Ống giáo	D48xD42x3mm	Mét	200		Không yêu cầu					
306	Khóa giàn giáo xoay	49mm	Cái	100		Không yêu cầu					
307	Khóa giáo cố định, cùm chết	49mm	Cái	100		Không yêu cầu					
308	Pa lăng điện cố định	10T	Cái	1		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
309	Pa lăng điện cố định	5T	Cái	1		≥ 06 tháng					
310	Guốc tam giác treo cột điện, ống thép mạ kẽm không gỉ		Cái	2		Không yêu cầu					
311	bầu kẹp mũi khoan		Bộ	1		Không yêu cầu					
312	Aptomat	Loại 1P, 25A	Cái	12		Không yêu cầu					
313	Axeton (xăng thơm)	Axeton (xăng thơm)	Lít	60		Không yêu cầu					
314	bàn chải sắt		cái	20		Không yêu cầu					
315	Băng dính điện	Nano 5 Milx3/4x20Y (màu đen)	Cuộn	750		Không yêu cầu					
316	Băng dính nước	Băng dính nước	Cuộn	540		Không yêu cầu					
317	Bao tải	LOẠI 50KG	Cái	1000		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
318	Bát đánh rỉ	D80	cái	200		Không yêu cầu					
319	Bạt dứa dày	Màu xanh cam; trọng lượng: 170gr/m2, khổ 4m	m2	2340		Không yêu cầu					
320	Bìa amiăng	Bìa amiăng chịu nhiệt; kích thước 1,27x1,27 dày 3mm; nhiệt độ làm việc max 450 độ C; áp suất làm việc 4-5MPa	tấm	50		Không yêu cầu					
321	Bìa amiăng	Bìa amiăng chịu nhiệt; kích thước 1,27x1,27 dày 2mm; nhiệt độ làm việc max 450 độ C; áp suất làm việc 4-5MPa	Tấm	10		Không yêu cầu					
322	Bìa amiăng chì	500x1200x1.5ly	tấm	2		Không yêu cầu					
323	Bình đánh rỉ RP7 - loại 300g	Selleys 150g (300ml)/lọ	hộp	300		Không yêu cầu					
324	Bộ đèn led tube đôi (1.2m)	kiểu Batten CBLA218L36 Paragon	Bộ	20		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
325	Bóng đèn	Halogen H3; 24V-75W/100W	Cái	20		Không yêu cầu					
326	Bóng đèn led	TR100N1/30W E27	Cái	60		≥ 03 tháng					
327	Bóng đèn led	TR135/80W E27 6500K SS	Cái	60		≥ 03 tháng					
328	Bóng đèn led	TR140N1/50W E27	Cái	80		≥ 03 tháng					
329	Bóng đèn led	TR70N2/12W E27	Cái	20		≥ 03 tháng					
330	Bóng đèn led	TR100N1/25W E27	Cái	60		≥ 03 tháng					
331	Bóng tuýp Led	T8 1200/20W Loại dài 1.2m	Cái	100		≥ 03 tháng					
332	Bu lông	Kích thước: M6x40mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	38		Không yêu cầu					
333	Bu lông	Kích thước: M8x50mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	50		Không yêu cầu					
334	Bu lông	Kích thước: M10x35mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm	bộ	250		Không yêu cầu					



Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
		phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)									
335	Bu lông	Kích thước:M10x40 mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	50		Không yêu cầu					
336	Bu lông	Kích thước: M10x45mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	20		Không yêu cầu					
337	Bu lông	Kích thước: M10x25mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	60		Không yêu cầu					
338	Bu lông	Kích thước: M10x60mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	60		Không yêu cầu					
339	Bu lông	Kích thước: M10x70mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm	bộ	50		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
		phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)									
340	Bu lông	Kích thước: M10x80mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	100		Không yêu cầu					
341	Bu lông	Kích thước: M12x100mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	50		Không yêu cầu					
342	Bu lông	Kích thước: M12x35mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	160		Không yêu cầu					
343	Bu lông	Kích thước: M12x40mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	100		Không yêu cầu					
344	Bu lông	M12x45mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 ê cu)	bộ	600		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
345	Bu lông	Kích thước: M12x50mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	100		Không yêu cầu					
346	Bu lông	Kích thước: M12x60mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	50		Không yêu cầu					
347	Bu lông	Kích thước: M12x70mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	150		Không yêu cầu					
348	Bu lông	Kích thước: M12x80mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	120		Không yêu cầu					
349	Bu lông	Kích thước: M14x40mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	35		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
350	Bu lông	Kích thước:M14x50mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	100		Không yêu cầu					
351	Bu lông	Kích thước: M14x60mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	100		Không yêu cầu					
352	Bu lông	Kích thước:M14x70mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	56		Không yêu cầu					
353	Bu lông	Kích thước: M14x80mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	16		Không yêu cầu					
354	Bu lông	Kích thước: M16x150mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	48		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
355	Bu lông	Kích thước: M16x50mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	50		Không yêu cầu					
356	Bu lông	Kích thước: M16x60mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 ê cu)	Bộ	192		Không yêu cầu					
357	Bu lông	Kích thước: M16x70mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	52		Không yêu cầu					
358	Bu lông	Kích thước: M16x80mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	150		Không yêu cầu					
359	Bu lông	Kích thước: M18x50mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	14		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
360	Bu lông	Kích thước: M20x50mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	12		Không yêu cầu					
361	Bu lông	Kích thước: M20x60mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 ê cu)	Bộ	32		Không yêu cầu					
362	Bu lông	Kích thước: M20x70mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	18		Không yêu cầu					
363	Bu lông	Kích thước: M22x95mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	96		Không yêu cầu					
364	Bu lông	Kích thước: M24x230mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	40		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/dvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
365	Bu lông	Kích thước: M24x50mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	30		Không yêu cầu					
366	Bu lông	M24x70mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 ê cu)	Cái	94		Không yêu cầu					
367	Bu lông	Kích thước: M24x70mm; cấp bền: 8.8; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	40		Không yêu cầu					
368	Bu lông	Kích thước: M30x100mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	22		Không yêu cầu					
369	Bu lông	Kích thước: M30x120mm; cấp bền: 8.8; ren lửng (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	48		Không yêu cầu					
370	Bu lông	SUS304; M12x120 (ren dài 40mm) ASTM A193 B8M	Bộ	300		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
		(bao gồm: Bu lông + 02 đệm phẳng + 01 đai ốc)									
371	Bu lông	Kích thước: M8x35mm; loại: A2-70; vật liệu: SUS304; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	172		Không yêu cầu					
372	Bu lông	Kích thước: M10x60mm; loại: A2-70; vật liệu: SUS304; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	16		Không yêu cầu					
373	Bu lông	Kích thước: M12x30mm; loại: A2-70; vật liệu: SUS304; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	50		Không yêu cầu					
374	Bu lông	Kích thước: M12x45mm; loại: A2-70; vật liệu: SUS304; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	318		Không yêu cầu					
375	Bu lông	Kích thước: M12x70mm; loại: A2-70; vật liệu: SUS304; ren suốt (bao gồm:	bộ	66		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiền độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
		Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)									
376	Bu lông	Kích thước: M16x70mm; loại: A2-70; vật liệu: SUS304; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng+ 01 đệm vênh + 01 ê cu)	bộ	8		Không yêu cầu					
377	Cáp lựa 2mm	Cáp lựa 2mm SUS304	m	40		Không yêu cầu					
378	Cáp lựa bọc nhựa	Ø2mm	m	40		Không yêu cầu					
379	Cáp lựa D14 mm	D14 mm	m	32		Không yêu cầu					
380	Cầu chì 2A	(CT-DI2 2A- 500V)	Cái	50		Không yêu cầu					
381	Cầu chì ống	4A, 400V, ø10x38	Cái	50		Không yêu cầu					
382	Chao đèn	D300- D400	Cái	50		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
383	Chổi đánh rỉ cầm tay (bàn chải sắt đánh rỉ)	Chất liệu: Sợi đồng mềm	Cái	60		Không yêu cầu					
384	Cồn y tế	90-95%	Lít	20		Không yêu cầu					
385	Đá cắt	355x3x25,4mm	Viên	35		Không yêu cầu					
386	Đá cắt	kích thước: 107x1,2x16mm	Viên	120		Không yêu cầu					
387	Đá cắt	kích thước: 125 x 2 x 22mm	Viên	50		Không yêu cầu					
388	Đá cắt	kích thước: 180 x 2 x 22mm	Viên	25		Không yêu cầu					
389	Đá cắt gạch D100	105x 20mm	Viên	8		Không yêu cầu					
390	Đá lọc gas 48DC		Cái	1		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/dvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
391	Đá mài	(kích thước: 100x6x16mm)	viên	131		Không yêu cầu					
392	Đá mài	(kích thước: 180x2x22mm)	Viên	10		Không yêu cầu					
393	Đá mài	D250x32x25.4mm	Viên	2		Không yêu cầu					
394	Đai siết ống	chất liệu Inox; D27-D34	Cái	20		Không yêu cầu					
395	Đai siết ống	chất liệu Inox; D50- D65	Cái	20		Không yêu cầu					
396	Đai xiết ống Inox	chất liệu Inox; 9mm-16mm	Cái	20		Không yêu cầu					
397	Đai xiết ống Inox	chất liệu Inox; 16mm-25mm	Cái	20		Không yêu cầu					
398	Đầu bọp ắc quy	SC95	Cái	8		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
399	Đầu cáp nối dây hàn	DKJ16*25; kích thước: D50÷70mm2	Cái	32		Không yêu cầu					
400	Đầu cốt chữ Y 1.5 mm	Y 1.5 mm	Cái	1000		Không yêu cầu					
401	Đầu cốt chữ Y 2.5-4mm2	Y 2.5-4mm2	Cái	150		Không yêu cầu					
402	Đầu cốt kim 1.5 mm	1.5 mm	Cái	1000		Không yêu cầu					
403	Đầu cốt SC10-6	SC10-8	Cái	40		Không yêu cầu					
404	Đầu cốt SC16-8	SC16-10	Cái	40		Không yêu cầu					
405	Đầu cốt SC25-8	SC25-10	Cái	40		Không yêu cầu					
406	Đầu cốt SC35-8	SC35-10	Cái	40		≥ 06 tháng					
407	Đầu cốt SC50-10	SC50-12	Cái	40		≥ 06 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
408	Đầu cốt SC70-10	SC70-12	Cái	40		≥ 06 tháng					
409	Đầu cốt SC95-10	SC95-12	Cái	40		≥ 06 tháng					
410	Đầu cốt tròn 2.5mm	2.5mm	Cái	1000		≥ 06 tháng					
411	Đầu cốt tròn 4mm	4mm	Cái	1000		Không yêu cầu					
412	Đầu phun tháp giải nhiệt	LSH-150	cái	1		Không yêu cầu					
413	Dây đèn LED 24V	Model: LS161 COB 13w;	Bộ	6		Không yêu cầu					
414	Dây điện 3 lõi Cadisun VCTF-3x1.5mm ² -300V, 500V (Xám)	Dây điện 3 lõi Cadisun VCTF-3x1.5mm ² -300V, 500V (Xám)	M	200		Không yêu cầu					
415	Dây điện Cu/PVC/PVC 2x1.5mm ²	Loại dây đôi mềm dẹt, lõi đồng bọc nhựa Cu/PVC /PVC tiết diện 1,5mm ² ;	m	600		Không yêu cầu					
416	Dây điện Cu/PVC/PVC 2x2.5mm ²	Loại dây đôi mềm dẹt, lõi đồng bọc nhựa Cu/PVC /PVC tiết diện 2,5mm ² ;	m	800		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
417	Dây điện Cu/PVC/PVC 2x4mm ²	Loại dây đôi mềm dẹt, lõi đồng bọc nhựa Cu/PVC/PVC tiết diện 4mm ² ;	m	800		Không yêu cầu					
418	Dây điện Cu/PVC/PVC 2x6mm ²	Loại dây đôi mềm dẹt, lõi đồng bọc nhựa Cu/PVC/PVC tiết diện 6mm ² ;	m	900		Không yêu cầu					
419	Dây gas, oxy	Dây đôi màu xanh đỏ ; kích thước 6,5-8mm; áp suất làm việc 20-60kg/cm ² ; chất liệu cao su ;nhãn hiệu Masuka	Mét	200		Không yêu cầu					
420	Dây hàn	1Cx35; Loại dây một lõi bằng đồng nhiều sợi, lõi đồng bọc cao su tiết diện 35mm ² ;	Mét	100		Không yêu cầu					
421	Dây hơi cao su	D10mm	Mét	200		Không yêu cầu					
422	Dây thép buộc	Vật liệu: Thép mã kẽm; đường kính 3mm	kg	40		Không yêu cầu					
423	Dây thép buộc	Vật liệu: Thép mã kẽm; đường kính 1mm	kg	20		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
424	Dây thép buộc	Vật liệu: Thép mã kẽm; đường kính 2mm	kg	20		Không yêu cầu					
425	Dây thít cáp	150mm (500 cái/ túi)	túi	1		Không yêu cầu					
426	Dây thít cáp	2.5x100mm	Túi	2		Không yêu cầu					
427	Dây thít cáp	3x200mm	Túi	3		Không yêu cầu					
428	Dây thít cáp	5x250mm	Túi	5		Không yêu cầu					
429	Dây thít cáp	5x500mm	Túi	2		Không yêu cầu					
430	Dây thùng D10	Dây thùng D10	M	400		Không yêu cầu					
431	Dây thùng D21	đường kính 21mm	M	250		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
432	Dây thừng D6mm	Kích thước: 6mm dạng sợi dây dùng buộc giàn giáo	M	500		Không yêu cầu					
433	Đèn cao áp led pha vuông	Đèn LED chiếu pha CP10 200w	Bộ	30		≥ 03 tháng					
434	Đèn cao áp led pha vuông 100W	Đèn LED chiếu pha CP10 100w	Bộ	50		≥ 03 tháng					
435	Đèn chiếu sáng	DAXIN50-1224;	Bộ	10		≥ 03 tháng					
436	Đèn LED Panel	Đèn LED Panel P06 600x600/50w	Bộ	30		≥ 03 tháng					
437	Đèn LED Panel	Đèn LED Panel P08 600x1200/100w - KPK	Bộ	40		≥ 03 tháng					
438	Đèn LED Panel P08 600x1200, 80W 6500K	LED Panel P08 600x1200, 80W 6500K	Bộ	60		≥ 03 tháng					
439	Đèn LED Panel P08 600x600, 40W 6500K	LED Panel P08 600x600, 40W 6500K	Bộ	30		≥ 03 tháng					
440	Đèn led pha vuông 50W, IP66	50W, IP66	Bộ	60		≥ 03 tháng					
441	Đèn pha tròn	24V-75W/100W	bộ	12		Không yêu cầu					
442	Đèn pin Led	Model: PFL09 R (bao gồm pin sạc)	Cái	122		≥ 03 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
443	Đinh	M5x35	Con	400		≥ 06 tháng					
444	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-1Bar; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS316; chuẩn kết nối 1/4" NPT, PT,PF;	Cái	5		≥ 03 tháng					
445	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm dải đo 0-2,5Bar; vỏ SUS 304 Ống truyền dẫn SUS 316 chuẩn kết nối 1/2" NPT, PT, PF	Cái	5		≥ 03 tháng					
446	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-4Bar; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS316; chuẩn kết nối 1/4" NPT, PT,PF;	Cái	5		≥ 03 tháng					
447	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-6Bar; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS316; chuẩn kết nối 1/2" NPT, PT,PF;	Cái	5		≥ 03 tháng					
448	Đồng hồ đo áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-7kg/cm2 ở SUS 304; Ống truyền dẫn SUS 316; chuẩn kết nối 1/2"	Cái	3		≥ 03 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
		NPT, PT,PF; sai số 1% toàn thang đo;									
449	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 63mm; dải đo 0-10Bar; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS 316; chuẩn kết nối 1/4" NPT, PT,PF;	Cái	5		≥ 03 tháng					
450	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-15Bar; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS316; chuẩn kết nối 1/4" NPT, PT,PF;	Cái	5		≥ 03 tháng					
451	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-25Bar; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS316; chuẩn kết nối 1/2" NPT, PT,PF; nhà sản xuất : Wise	Cái	5		≥ 03 tháng					
452	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-250Bar; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS316; chuẩn kết nối 1/2" NPT, PT,PF;	Cái	5		≥ 03 tháng					
453	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-15Kpa; vỏ thép mạ Niken; Ống truyền dẫn đồng	Cái	5		≥ 03 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
		mạ niken hoặc SUS316; chuẩn kết nối 1/2" NPT, PT,PF;									
454	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-30Kpa; vỏ thép mạ Niken; Ống truyền dẫn đồng mạ niken hoặc SUS316; chuẩn kết nối 1/2" NPT, PT,PF;	Cái	5		≥ 03 tháng					
455	Đồng hồ áp suất	Đường kính mặt 100mm; dải đo 0-16Mpa; vỏ SUS 304; Ống truyền dẫn SUS 316; chuẩn kết nối 1/2" NPT, PT,PF;	Cái	5		≥ 03 tháng					
456	Đui đèn(loại dùng lắp chao đèn tròn D300-400mm)	E27	Cái	50		Không yêu cầu					
457	Ê cu	M16	Cái	20		Không yêu cầu					
458	Ê cu	M10	cái	1650		Không yêu cầu					
459	Găng tay cao su		Đôi	4		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
460	Ghíp cáp SC 35	SC 35	Cái	20		Không yêu cầu					
461	Ghíp chìa đôi bọc nhựa 2 bulong	kích thước: 25-150mm2	Cái	30		Không yêu cầu					
462	Giấy giáp mịn	P1000	Tờ	406		Không yêu cầu					
463	Giấy giáp mịn	P320	Tờ	422		Không yêu cầu					
464	Giấy giáp thô		tờ	20		Không yêu cầu					
465	Giấy ráp cuộn 1000	P1000	M	3		Không yêu cầu					
466	Keo dán băng tải	SC400	hộp	15		≥ 03 tháng					
467	Keo dán mặt bích 2 thành phần	Chịu được nhiệt độ từ -40°C đến 250°C; Trọng lượng: 85g;	Tuýp	100		Không yêu cầu					
468	Keo dán mặt bích 2 thành phần	durasteel 5 epoxy; Trọng lượng: 35g;	Tuýp	20		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
469	Keo Silicon	Apollo Sealant A200; màu Trắng trong; Dạng chai nhựa; Dung tích: 300ml.	hộp	172		≥ 03 tháng					
470	Kẹp ngừng cáp	kích thước 35-95 mm ²	Cái	70		Không yêu cầu					
471	Khoá cáp	φ 4	cái	8		Không yêu cầu					
472	Khớp nối mềm 100A*270mm*SUS 304	Quy cách DN100*L270mm; Khớp nối mềm vật liệu SUS304; kết nối kiểu mặt bích và bulong; áp suất làm việc 10kg/cm ² ; nhiệt độ làm việc lớn hơn 200 độ C. (lắp đặt cho máy nén khí mã hiệu SA5250-II của nhà sản xuất Fusheng)	Cái	3		≥ 03 tháng					
473	Kính thăm dầu	Kích thước: Khoảng cách từ tâm lỗ này tới tâm lỗ kia là 140 mm; Đường kính lỗ: phi 10, gồm 2 bu lông bước ren 1.5; Vật liệu: Meka, chịu nhiệt, chịu áp	vòng	2		≥ 03 tháng					
474	Lốp + săm + yếm	20.5-25	Bộ	2		≥ 03 tháng					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
475	Lốp + săm + yếm	17.5-25	Bộ	2		≥ 03 tháng					
476	Lốp + săm + yếm	9.00-20	Bộ	2		≥ 03 tháng					
477	Miếng vá săm loại to	kích thước 80mm	Cái	40		Không yêu cầu					
478	Nhựa vá săm	Dung tích 125ml; nhãn hiệu 3M	Hộp	2		Không yêu cầu					
479	Ni tơ công nghiệp	99%	chai	2		Không yêu cầu					
480	Nút ấn có đèn màu đỏ	Ø30 1NO+1NC 220VAC	Cái	15		Không yêu cầu					
481	Nút ấn có đèn màu xanh	Ø30 1NO+1NC 220VAC	Cái	15		Không yêu cầu					
482	Nút dừng khẩn cấp 2NC		Cái	5		Không yêu cầu					
483	ống đồng xi mạ dẫn hơi clo	D10, model 6141C	m	2		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
484	Ống ghen luồn dây điện	Loại bọc nhựa, lõi thép. D 21mm	m	150		Không yêu cầu					
485	Ống mềm φ 38/ φ 50 lát có cốt thép đầu M46	Ống mềm φ 38/ φ 50 lát có cốt thép đầu M46	cái	5		Không yêu cầu					
486	Ống nhựa mềm	D20mm	Mét	200		Không yêu cầu					
487	Ốp cột móc treo cáp		Cái	70		Không yêu cầu					
488	Phích cắm 3 chấu loại tròn	Model : MPN - 013; Quy cách : 16A-2P+N-IP44; Hãng : MPE	Cái	15		Không yêu cầu					
489	Phin lọc	AO096212	cái	3		Không yêu cầu					
490	Phin lọc	AO135302	cái	8		Không yêu cầu					
491	Phin lọc	9693029220	cái	10		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
492	Phin lọc	AO096250W	bộ	2		Không yêu cầu					
493	Phin lọc	P165136	cái	3		Không yêu cầu					
494	Phin lọc	9693029220	cái	1		Không yêu cầu					
495	Phin lọc	C-1009	cái	8		Không yêu cầu					
496	Phin lọc	FC-5602	cái	8		Không yêu cầu					
497	Phin lọc	177047	cái	12		Không yêu cầu					
498	Phin lọc	C-1305	cái	16		Không yêu cầu					
499	Phin lọc	FC-1503	cái	16		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/dvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
500	Phin lọc	H-5622	cái	2		Không yêu cầu					
501	Phin lọc	O-1006	cái	3		Không yêu cầu					
502	Phin lọc	FC-1003	cái	6		Không yêu cầu					
503	Phin lọc	O-1006	cái	3		Không yêu cầu					
504	Pin 3V CR14250SE	Mã hiệu: CR14250SE	quả	2		Không yêu cầu					
505	Quạt	Axial Fan YWF4E-400S (220V/50/60HZ, 0.82/1.20A, 110/180W, 150/250W, 1380/1550r/min	cái	3		≥ 03 tháng					
506	Quạt làm mát 24V,	CUDC24B4SQ; KÍCH THƯỚC 120x120mm	cái	4		Không yêu cầu					
507	Que hàn	Model: KST 309L đường kính 3,2mm; nhãn hiệu Kiswel	kg	100		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
508	Que hàn	Model: E7018 K-7018; đường kính 3,2mm; nhãn hiệu Kiswel	kg	20		Không yêu cầu					
509	Que hàn	Model: KST 310 đường kính 3,2mm; nhãn hiệu Kiswel	kg	10		Không yêu cầu					
510	Que hàn	Model: G-308; đường kính 3,2mm; nhãn hiệu Kim Tín	kg	10		Không yêu cầu					
511	Que hàn điện	KT421 3.2 ly	kg	500		Không yêu cầu					
512	Săm	20.5-25 dùng cho máy xúc KAWASAKI	Cái	1		Không yêu cầu					
513	Săm	17.5-25 dùng cho máy xúc KAWASAKI	Cái	2		Không yêu cầu					
514	Sơn chống rỉ Epoxi	Epoxi S.EP- N1	Lít	80		Không yêu cầu					
515	Sơn epoxy màu đỏ	Sơn epoxy màu đỏ	Kg	170		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
516	Sơn Epoxy màu ghi màu xám	mã :RAL7032 Jotun	Kg	50		Không yêu cầu					
517	Sơn màu ghi Epoxi	Sơn màu ghi Epoxi	kg	80		Không yêu cầu					
518	Tấm lợp nhựa lấy sáng Composite	khổ rộng 1000mm - 7 lớp dày 3mm dài 6000mm	tấm	9		Không yêu cầu					
519	Thanh điện cực Magnesium	Magnesium D160x500mm	thanh	1		Không yêu cầu					
520	Thanh nhựa	PP 630x30x8 (gồm 01 thanh nhựa, 01 thanh nẹp bằng thép, 02 chi tiết gá lắp và đủ bộ bu-lông, ê-cu, đệm)	cái	12		Không yêu cầu					
521	Thanh ren	M6x1000mm	Thanh	5		Không yêu cầu					
522	Thanh ren	M8x1000mm	Thanh	5		Không yêu cầu					
523	Thanh ren	M10x1000mm	Thanh	10		Không yêu cầu					

Stt	Tên vật tư, hàng hoá	Thông số kỹ thuật ⁽¹⁾	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ giao hàng ⁽²⁾	Thời gian bảo hành ⁽³⁾	Đơn giá trước thuế (đồng/dvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (%)	Thành tiền sau thuế (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)*(8)	(10)	(11)=(9)* [1+(10)/100]	(12)
524	Thanh ren	M12x1000mm	Thanh	10		Không yêu cầu					
525	Thanh ren	M14x1000mm	Thanh	15		Không yêu cầu					
526	Thanh ren	M16x1000mm	Thanh	20		Không yêu cầu					
527	Thanh ren	M18x1000mm	Thanh	20		Không yêu cầu					
528	Thanh ren	M20x1000mm	Thanh	20		Không yêu cầu					
529	Vải thủy tinh có tráng phủ lớp cách nhiệt khổ 1m	dày 3mm	m	200		Không yêu cầu					
530	Vít chìm đầu côn phẳng	M10x45	bộ	330		Không yêu cầu					
531	Vỏ tủ điện ngoài trời, 1 lớp cửa, Inox 304	Kích thước H500xW500xD200mm, dày 2mm. Cấp bảo vệ IP56 ngoài trời, chống nước và bụi.	Cái	3		Không yêu cầu					

- Đề nghị nhà cung cấp chào đúng chủng loại vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật tại cột (3) trong bảng trên. Trường hợp vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay thế bằng chủng loại khác (mã hiệu khác) thì nhà cung cấp có thể đề xuất sang vật tư, hàng hoá tương đương khác và phải cung cấp các tài liệu để chứng minh vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay thế bằng chủng loại khác và vật tư, hàng hoá do nhà cung cấp đề xuất là tương đương về **“đặc tính, thông số kỹ thuật; tính năng sử dụng; tiêu chuẩn công nghệ”** với vật tư, hàng hoá được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật nêu trên. Nếu nhà cung cấp không cung cấp tài liệu theo yêu cầu nêu trên thì đơn giá do nhà cung cấp chào cho mục vật tư, hàng hoá đó sẽ không được xem xét khi lập dự toán.

- Trường hợp nhà cung cấp phát hiện thông số kỹ thuật được yêu cầu tại cột (3) trong bảng trên không chính xác, đề nghị nhà cung cấp chuẩn xác lại giúp thông số kỹ thuật và cung cấp các tài liệu để chứng minh thông số kỹ thuật do nhà cung cấp điều chỉnh lại là chính xác.

- Đối với một số hàng hoá nêu trong bảng trên: Là những hàng hoá có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động quy định tại **Thông tư 36/2019/TT-BLĐTBXH** đề nghị nhà cung cấp chào giá hàng hoá **chào rõ các giấy tờ cung cấp kèm theo cụ thể như sau:**

Nhóm 1: Bắt buộc phải có Giấy kiểm định kỹ thuật an toàn

- ☐ **Pa lăng điện, Pa lăng xích (kéo tay/lắc tay):** Bắt buộc kiểm định nếu có tải trọng nâng thiết kế từ **1.000 kg (1 tấn)** trở lên.
- ☐ **Tời điện, Tời lắc bằng tay:** Bắt buộc kiểm định đối với tời dùng để nâng tải, kéo tải có tải trọng thiết kế từ **1.000 kg** trở lên.
- ☐ **Kích thủy lực:** Nằm trong nhóm thiết bị nâng độc lập hoặc bộ phận nâng chuyên dụng, bắt buộc kiểm định nếu tải trọng nâng từ **1.000 kg** trở lên.

Nhóm 2: Vật tư, phụ kiện nâng hạ (Phải có chứng chỉ thử tải/CQ của hãng)

- ☐ **Cáp vải (Sling vải), Cáp thép:** Thuộc nhóm bộ phận mang tải của thiết bị nâng bắt buộc phải có **Giấy chứng nhận thử tải của nhà sản xuất (Mill Test Certificate)** hoặc chứng chỉ CQ để chứng minh hệ số an toàn.
- ☐ **Mã lý / Shackle:** Là phụ kiện liên kết tải (Lifting accessory). Giấy tờ chứng minh nguồn gốc, thông số tải trọng dập nổi trên thân mã lý.

Nếu nhà cung cấp không chào đúng yêu cầu nêu trên thì đơn giá do nhà cung cấp chào cho hàng hoá đó sẽ không được xem xét khi lập dự toán

(2) *Tiến độ giao hàng*: Đề nghị nhà cung cấp chào tiến độ giao hàng là số ngày kể từ ngày nhận được thông báo cấp hàng;

(3) *Thời gian bảo hành*: Thời gian bảo hành tại cột (7) trong bảng trên là thời gian bảo hành được yêu cầu, đề nghị nhà cung cấp chào thời gian bảo hành là số tháng kể từ ngày kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá (*đơn giá của vật tư, hàng hoá do nhà cung cấp chào chỉ được xem xét nếu có thời gian bảo hành đáp ứng yêu cầu tại cột (7) trong bảng trên*).